

Vietnam Daily Review

Bật tăng cuối phiên

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 3/10/2022	•		
Tuần 3/10-7/10/2022	•		
Tháng 10/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Mở cửa với gap âm, VN-Index có diễn biến tiêu cực xuyên suốt cả ngày hôm nay cho đến khi chỉ số chạm đến ngưỡng hỗ trợ 1,100, dòng tiền bắt đáy đột ngột xuất hiện và đẩy chỉ số lợi dòng ngoạn mục, kết phiên tăng hơn 6 điểm so với ngày hôm qua. 11/19 ngành tăng điểm; tuy nhiên số mã giảm lại nhiều hơn số mã tăng, nhóm VN30 là trụ đỡ cho thị trường trong ngày hôm nay. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Lực bắt đáy xuất hiện tại vùng 1,100 báo hiệu một xu hướng hồi phục khi thị trường đã xác định được vùng đáy ngắn hạn. Xu hướng giao dịch tuần sau có thể tích cực hơn khi dòng tiền này chảy vào thị trường.

Hợp đồng tương lai: Các HĐ đều tăng theo VN30. Nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 30/9/2022, các chứng quyền phân hóa theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+6.04** điểm, đóng cửa **1132.11** điểm. HNX-Index **+0.84** điểm, đóng cửa **250.25** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+2.44)**, **BCM (+1.56)**, **FPT (+0.98)**, **CTG (+0.74)**, **BID (+0.52)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-0.97)**, **EIB (-0.8)**, **HPG (-0.67)**, **PLX (-0.48)**, **TCB (-0.45)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **13,037** tỷ đồng, tăng **42.33%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 16,990 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 36.03 điểm. Thị trường có **192** mã tăng, 73 mã tham chiếu, **264** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **159.66** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **DGC (116.97 tỷ)**, **KBC (79.12 tỷ)**, **DPM (57 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **6.87** tỷ đồng

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1132.11**
Giá trị: 13037.38 tỷ **6.04 (0.53%)**
Khối ngoại (ròng): 159.66 tỷ

HNX-INDEX **250.25**
Giá trị: 1324.13 tỷ **0.84 (0.34%)**
Khối ngoại (ròng): 6.87 tỷ

UPCOM-INDEX **84.96**
Giá trị: 549.68 tỷ **-0.26 (-0.31%)**
Khối ngoại (ròng): -1.41 tỷ

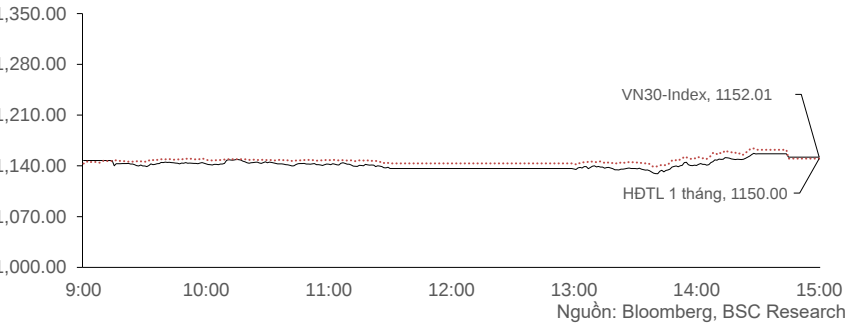
Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	82.1	1.06%
Giá vàng	1,672	0.69%
Tỷ giá USD/VND	23,869	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	44,834	0.67%
Tỷ giá JPY/VND	16,543	0.00%
LS liên NH 1 tháng	5.3%	0.26%
LS TPCP 5 năm	4.7%	-0.03%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DGC	116.97	NVL	-140.59
KBC	79.12	VHM	-86.46
DPM	57.00	HAH	-77.37
DXG	45.36	HPG	-76.13
0/1/1900	0.00	VND	-29.89
Nguồn: BSC Research			

Mục lục	
Tổng quan thị trường	Trang 1
Hiệu suất PTKT	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Khuyến nghị dài hạn	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2210	1150.00	0.17%	-2.01	25.1%	340,112	10/20/2022	20
VN30F2211	1159.00	0.87%	6.99	119.1%	1,503	11/17/2022	48
VN30F2212	1149.80	0.02%	-2.21	65.5%	144	12/15/2022	76
VN30F2203	1152.00	0.25%	-0.01	64.9%	122	3/16/2023	167

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 4.57 điểm lên 1152.01 điểm, biên độ dao động 29.63 điểm. Các cổ phiếu như FPT, STB, VRE, ACB, và SSI đã tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- Sau khi dò đáy chạm mức thấp nhất 1128.57, VN-Index đã mạnh mẽ đi lên với biên độ rộng rồi chốt phiên tăng gần 5 điểm so với phiên trước. Thanh khoản đã vượt MA20 sau ba phiên âm ảm, tuy nhiên xu hướng vận động vẫn khó lường. Nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên tới.
- Các HĐ đều tăng theo VN30. Xét về KLGD, các HĐ đều tăng. Xét về vị thế mở, các HĐ đều tăng trừ VN30F2212.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CSTB2216	12/9/2022	70	2:1	15,500	44.51%	1,700	330	50.00%	50	6.62	28,679	27,979	20,600
CSTB2212	10/31/2022	31	2:1	1,199,400	44.51%	3,000	130	44.44%	13	10.23	26,260	26,000	20,600
CPOW2202	11/15/2022	46	5:1	104,600	48.50%	1,000	50	25.00%	4	12.32	18,299	17,999	12,350
CSTB2213	1/3/2023	95	8:1	711,300	44.51%	1,000	220	22.22%	76	2.90	26,124	24,444	20,600
CFPT2206	12/12/2022	73	4.9:1	217,700	33.13%	1,000	990	16.47%	208	4.75	96,528	92,000	80,500
CTPB2203	10/28/2022	28	10:1	126,900	39.01%	1,000	290	16.00%	208	1.39	25,499	22,999	25,000
CFPT2207	12/12/2022	73	5.9:1	81,400	33.13%	3,000	2,540	7.63%	1,189	2.14	89,974	75,000	80,500
CVJC2205	12/9/2022	70	16:1	3,300	27.71%	1,300	400	5.26%	39	10.20	136,399	129,999	110,900
CVRE2212	1/13/2023	105	2:1	65,300	39.16%	1,000	540	3.85%	607	0.89	31,080	30,000	28,000
CVRE2217	3/2/2023	153	2:1	66,400	39.16%	2,500	2,150	3.37%	1,320	1.63	31,120	27,500	28,000
CSTB2209	10/19/2022	19	3:1	1,000	44.51%	2,400	20	0.00%	0	103,464.83	32,090	32,000	20,600
CMWG2208	12/26/2022	87	8:1	156,500	36.30%	3,000	1,310	-2.24%	736	1.78	75,640	63,000	64,000
CHPG2221	3/31/2023	182	4:1	361,400	37.33%	1,000	590	-3.28%	330	1.79	27,800	25,000	21,200
CHPG2215	3/28/2023	179	10:1	875,100	37.33%	1,000	430	-4.44%	195	2.20	27,799	22,999	21,200
CMWG2207	11/7/2022	38	5.9:1	24,500	36.30%	3,090	340	-5.56%	77	4.41	77,786	75,565	64,000
CHPG2216	12/26/2022	87	3:1	193,400	37.33%	3,000	1,690	-7.14%	1,140	1.48	24,940	19,000	21,200
CMBB2207	1/3/2023	95	8.3:1	40,100	35.02%	1,000	450	-10.00%	206	2.19	24,380	23,456	20,000
CKDH2212	3/10/2023	161	8:1	1,912,600	30.85%	1,000	200	-13.04%	18	10.99	43,919	41,999	28,050
CKDH2213	1/3/2023	95	2:1	1,330,900	30.85%	2,700	280	-20.00%	27	10.24	40,780	40,000	28,050
CHPG2220	1/3/2023	95	2:1	317,700	37.33%	1,500	710	-20.22%	450	1.58	26,040	24,000	21,200
Tổng		7,805,000	37.82%**										

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất Lãi suất phi rủi ro là 4.75% **Trung bình độ lệch chuẩn	CR: Tỷ lệ chuyển đổi Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
------------	--	---

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 30/9/2022, các chứng quyền phân hóa theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2203 và CKDH2207 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt ở mức 100% và 100%. Giá trị giao dịch giảm -8.75%. CSTB2216 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 4.51%.
- CSTB2220, CMSN2213, CPOW2208, và CMWG2212 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVNM2208, CTCB2207, CVRE2213, và CVRE2212 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CHPG2216, CFPT2207, CPNJ2202, và CMWG2209 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

BSC

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	64.0	0.0%	0.6	4,072	12.0	3,436	18.6	4.2	49.0%	24.2%
PNJ	Bán lẻ	107.0	-3.6%	0.6	1,144	5.3	5,978	17.9	3.2	49.0%	20.1%
BVH	Bảo hiểm	53.5	0.0%	1.1	1,727	4.0	2,411	22.2	1.8	26.4%	8.4%
PVI	Bảo hiểm	45.0	8.7%	0.7	458	0.2	3,289	13.7	1.3	58.6%	9.9%
VIC	Bất động sản	55.0	0.7%	0.5	9,120	4.2	(60)	#N/A N/A	1.9	12.2%	-0.2%
VRE	Bất động sản	28.0	2.9%	1.1	2,766	2.2	571	49.1	2.0	32.1%	4.2%
VHM	Bất động sản	50.7	-0.2%	0.8	9,599	9.5	6,478	7.8	1.8	23.1%	25.9%
DXG	Bất động sản	20.3	1.5%	1.4	536	11.3	1,223	16.6	1.3	28.6%	8.2%
SSI	Chứng khoán	19.8	2.6%	1.8	1,282	17.0	2,674	7.4	1.5	34.3%	22.0%
VCI	Chứng khoán	29.4	2.1%	1.0	557	8.2	3,497	8.4	1.8	17.0%	24.3%
HCM	Chứng khoán	24.5	-0.2%	1.6	487	12.7	2,522	9.7	1.4	40.9%	17.5%
FPT	Công nghệ	80.5	4.5%	0.9	3,840	7.2	4,512	17.8	4.5	49.0%	27.1%
FOX	Công nghệ	65.4	0.6%	0.4	934	0.0	4,926	13.3	3.6	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	110.0	4.8%	1.0	9,154	3.3	6,669	16.5	3.5	3.0%	24.3%
PLX	Dầu khí	32.9	-4.2%	1.5	1,817	2.9	723	45.5	1.8	17.4%	3.8%
PVS	Dầu khí	23.2	3.1%	1.6	482	7.0	1,104	21.0	0.9	10.8%	4.4%
BSR	Dầu khí	20.0	-1.0%	0.8	2,710	6.3	2,108	9.5	1.7	41.1%	19.1%
DHG	Dược	85.5	-1.2%	0.3	486	0.0	6,361	13.4	2.9	54.2%	23.1%
DPM	Hóa chất	46.9	4.0%	1.4	797	7.9	14,563	3.2	1.4	15.1%	51.9%
DCM	Hóa chất	33.7	4.5%	1.3	776	9.8	7,025	4.8	1.8	8.4%	44.7%
VCB	Ngân hàng	73.2	-1.1%	0.8	15,062	4.0	5,273	13.9	2.8	23.5%	21.9%
BID	Ngân hàng	33.9	1.2%	1.2	7,456	2.6	2,562	13.2	1.9	16.9%	15.0%
CTG	Ngân hàng	23.2	2.7%	1.5	4,848	5.3	3,056	7.6	1.1	26.8%	15.1%
VPB	Ngân hàng	18.0	0.0%	1.2	5,254	12.2	2,503	7.2	1.3	11.8%	22.2%
MBB	Ngân hàng	20.0	1.0%	1.3	3,943	6.4	3,467	5.8	1.3	23.2%	26.0%
ACB	Ngân hàng	22.2	0.9%	1.1	3,260	4.1	3,482	6.4	1.4	30.0%	25.4%
BMP	Nhựa	57.6	0.2%	0.7	205	0.2	4,413	13.1	1.9	85.2%	15.2%
NTP	Nhựa	37.9	-0.3%	0.6	214	0.1	3,914	9.7	1.7	17.8%	18.0%
MSR	Tài nguyên	17.7	0.6%	1.6	846	0.2	178	99.4	1.4	10.1%	1.4%
HPG	Thép	21.2	-2.1%	1.1	5,360	21.5	4,747	4.5	1.2	21.1%	31.8%
HSG	Thép	14.8	0.0%	1.6	385	4.5	3,511	4.2	0.7	4.3%	19.3%
VNM	Tiêu dùng	72.3	-0.6%	0.5	6,570	7.4	4,055	17.8	4.4	55.0%	25.8%
SAB	Tiêu dùng	185.0	1.2%	0.8	5,158	0.8	7,018	26.4	5.2	62.8%	21.0%
MSN	Tiêu dùng	99.0	-1.0%	1.0	6,128	3.9	7,172	13.8	4.8	28.9%	40.2%
SBT	Tiêu dùng	16.2	0.3%	1.6	443	1.3	1,229	13.2	1.2	7.8%	8.8%
ACV	Vận tải	75.0	-8.5%	0.8	7,099	0.5	363	206.7	4.3	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	110.9	0.7%	1.1	2,612	2.0	176	629.5	3.5	16.2%	0.6%
HVN	Vận tải	13.4	-1.8%	1.7	1,285	0.6	(4,373)	#N/A N/A	#N/A N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	48.0	1.4%	1.0	629	2.8	2,705	17.7	2.1	47.2%	12.5%
PVT	Vận tải	19.6	2.6%	1.4	276	2.0	1,982	9.9	1.2	14.5%	12.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	65.6	-0.9%	0.9	456	0.2	10,334	6.3	2.1	2.9%	36.9%
VGC	Vật liệu xây dựng	51.4	3.8%	0.7	1,002	2.4	4,350	11.8	3.0	5.2%	27.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.8	-2.1%	1.1	229	0.3	505	27.3	1.0	1.9%	3.6%
CTD	Xây dựng	57.7	-1.2%	1.2	185	2.2	(958)	#N/A N/A	0.5	52.6%	-0.8%
CII	Xây dựng	19.4	-1.3%	1.5	212	5.3	1,446	13.4	0.9	7.5%	6.9%
REE	Điện	77.0	2.7%	-1.4	1,190	1.9	6,593	11.7	1.9	49.1%	17.7%
PC1	Điện	32.5	-1.5%	-0.4	332	3.4	2,081	15.6	1.6	4.5%	10.5%
POW	Điện	12.4	-1.6%	0.6	1,257	6.1	676	18.3	1.0	2.7%	5.3%
NT2	Điện	28.5	3.3%	0.6	356	2.5	3,116	9.1	1.8	13.9%	20.9%
KBC	Khu công nghiệp	29.0	5.3%	1.6	968	9.7	324	89.4	1.6	17.1%	2.1%
BCM	Khu công nghiệp	90.6	7%	0.9	4,077	1.7	1,640	55.2	5.4	2.8%	11.2%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	110.00	4.76	2.44	719100
BCM	90.60	6.97	1.56	464400
FPT	80.50	4.55	0.98	2.11MLN
CTG	23.20	2.65	0.74	5.38MLN
BID	33.90	1.19	0.52	1.82MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-0.67	23.37MLN	1.11MLN
EIB	0.00	-0.48	2.00MLN	607060
HPG	0.00	-0.45	5.24MLN	373600
PLX	0.00	-0.36	893200	192700
TCB	0.00	-0.25	1.14MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
JVC	4.74	7.00	0.01	1.20MLN
LEC	14.55	6.99	0.01	24500
BCM	90.60	6.97	1.56	464400
DGC	77.60	6.89	0.47	5.66MLN
HDC	40.45	6.87	0.07	2.67MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	73.20	-1.08	-0.97	1.26MLN
EIB	34.20	-6.94	-0.80	1.09MLN
HPG	21.20	-2.08	-0.67	23.37MLN
PLX	32.90	-4.22	-0.48	2.00MLN
TCB	32.50	-1.52	-0.45	5.24MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

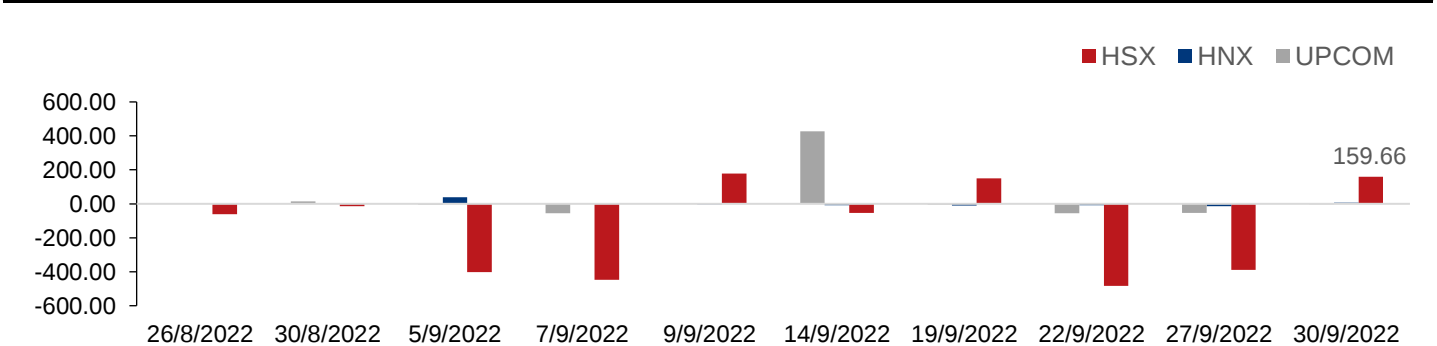
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BAB	15.60	2.63	0.48	24200.00
PVS	23.20	3.11	0.27	7.19MLN
SHS	10.50	1.94	0.24	11.49MLN
PVI	45.00	8.70	0.21	101100.00
HUT	22.00	2.33	0.17	3.43MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CEO	21.70	-5.24	-0.38	5.44MLN
PTI	46.80	-10.00	-0.21	400
IDV	37.80	-8.03	-0.08	7400
OCH	7.50	-6.25	-0.07	356400
TNG	19.40	-3.00	-0.07	2.72MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BCF	40.70	10.0	0.07	7100
CX8	8.80	10.0	0.00	1800
VNT	79.90	9.9	0.02	600
VTJ	4.50	9.8	0.01	7600
PPE	16.90	9.7	0.00	14000.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CMC	7.20	-10.00	0.00	200
PTI	46.80	-10.00	-0.21	400
HTC	22.00	-9.84	-0.03	300
CMS	11.10	-9.76	-0.03	48400
L62	3.70	-9.76	0.00	1500

Hình 3
 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	ACV	Hàng không	Mua	14/09/22	87.0	105.0	75.0	363	206.7	4.3	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	13/09/22	112.2	145.5	107.0	5,978	17.9	3.2	Click
3	PVD	Dầu khí	Mua	09/09/22	20.5	27.1	19.8	0	#N/A N/A	0.8	Click
4	FPT	CNTT	Mua	06/09/22	84.1	107.9	80.5	4,512	17.8	4.5	Click
5	BMP	Nhựa	Mua	07/09/22	62.0	76.9	57.6	4,413	13.1	1.9	Click
6	TLG	Tiêu dùng	Mua	06/09/22	63.2	75.6	54.6	4,637	11.8	2.1	Click
7	KDH	Bất động sản	Mua	30/08/22	37.6	48.2	28.1	1,755	16.0	1.8	Click
8	HAH	Vận tải biển	Theo dõi	24/08/22	64.4	78.0	41.5	9,171	4.5	1.5	Click
9	VHC	Thủy sản	Mua	24/08/22	86.1	108.5	84.9	11,226	7.6	2.1	Click
10	PHR	Bất động sản	Mua	16/08/22	66.5	87.0	55.1	4,901	11.2	2.3	Click
11	BSR	Dầu khí	Mua	19/08/22	24.4	28.4	20.0	2,108	9.5	1.7	Click
12	NLG	Bất động sản	Mua	16/08/22	42.8	53.5	30.3	1,966	15.4	1.3	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	13/08/22	28.0	38.3	20.3	1,223	16.6	1.3	Click
14	HPG	Thép	Mua	09/08/22	24.1	27.9	21.2	4,747	4.5	1.2	Click
15	DBC	Tiêu dùng	Mua	03/08/22	25.5	31.8	21.4	1,127	19.0	1.1	Click
16	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	46.9	14,563	3.2	1.4	Click
17	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	13.8	505	27.3	1.0	Click
18	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	28.5	3,116	9.1	1.8	Click
19	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	19.8	0	#N/A N/A	0.8	Click
20	LHG	BĐS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	25.1	2,692	9.3	0.9	Click
21	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	19.5	1,168	16.7	1.8	Click
22	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	32.5	2,081	15.6	1.6	Click
23	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	12.4	676	18.3	1.0	Click
24	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	18.3	6,984	2.6	0.8	Click
25	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	77.0	6,593	11.7	1.9	Click
26	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	34.7	4,406	7.9	0.9	Click
27	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	110.0	6,669	16.5	3.5	Click
28	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	39.2	3,842	10.2	1.8	Click
29	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	21.2	4,747	4.5	1.2	Click
30	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	13.9	4,170	3.3	1.5	Click
31	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	20.0	2,108	9.5	1.7	Click
32	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	60.0	3,616	16.6	5.1	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	107.0	5,978	17.9	3.2	Click
34	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	14.5	1,889	7.7	0.6	Click
35	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	28.5	3,116	9.1	1.8	Click
36	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	65.5	10,763	6.1	1.3	Click
37	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	73.3	5,014	14.6	4.7	Click
38	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	32.5	2,081	15.6	1.6	Click
39	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	13.4	179	74.8	0.7	Click
40	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	80.5	4,512	17.8	4.5	Click
41	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	28.2	2,277	12.4	1.9	Click
42	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	18.3	6,984	2.6	0.8	Click
43	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	12.4	676	18.3	1.0	Click
44	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	107.0	5,978	17.9	3.2	Click
45	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	64.0	3,436	18.6	4.2	Click
46	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	19.6	1,982	9.9	1.2	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
4	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
8	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
9	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
10	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
11	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
12	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
14	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
15	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
16	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
17	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
19	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
20	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
21	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
22	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
23	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
26	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
27	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
28	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
29	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
30	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
31	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
32	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THỂ GIỚI	x		Click
33	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
35	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
36	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
37	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
39	Banking Sector Outlook		x	Click
40	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
41	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
42	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
43	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
43	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639